

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiếp

2. Ông Chảo Phù Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chớ Thị Ph, sinh năm 1995, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A V, sinh năm 1993, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chớ Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chớ Thị Ph và anh Giàng A V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn anh, chị đã chung sống như vợ chồng từ năm 2013 và đã có 02 con

chung. Sau khi kết hôn, chị Ph và anh V chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Từ tháng 8/2022 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh V vi phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, bị Tòa án tuyên án tử hình. Hiện nay anh V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu chờ thi hành án. Do anh V không thể quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về nuôi con chung: Chị Ph và anh V có 02 con chung chưa thành niên là cháu Giàng A H, sinh ngày 17/11/2013 và Giàng Chur S, sinh ngày 18/6/2015. Kể từ khi anh V bị tạm giam đến nay, cháu H và cháu S do chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh V đang bị tạm giam nên không thể nuôi dưỡng 02 con. Chị Ph có thu nhập ổn định từ việc làm nương và làm thuê, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Cháu H và cháu S đều đã trên 07 tuổi, cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (văn bản ghi ý kiến của 02 con ngày 14/5/2024). Do đó, chị Ph đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, anh Giàng A V có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V nhất trí với lời khai của chị Ph về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm chung sống như vợ chồng. Kể từ khi kết hôn cho đến tháng 8/2022 (trước khi anh V bị bắt) thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu do vi phạm pháp luật hình sự. Nay chị Ph đề nghị giải quyết ly hôn anh V không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với vợ và thương các con.

Về nuôi con chung: Anh V công nhận vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên là Giàng A H, sinh ngày 17/11/2013 và Giàng Chur S, sinh ngày 18/6/2015, hiện cả 02 con chung đang ở với chị Ph. Anh V nhất trí để chị Ph trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh V nhất trí với ý kiến của chị Ph là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, có xác nhận của Trưởng bản H và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C như sau: Chị Ph và anh V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N năm 2017. Trước khi kết hôn anh chị không hiểu biết pháp luật nên đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 và đã có 02 con chung chưa thành niên. Trong thời gian kết hôn, chị Ph và anh V chung sống hạnh phúc, hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, đến năm 2022, anh V vi phạm pháp luật hình

sự, hiện đang bị tạm giam đã ảnh hưởng đến tinh cảm vợ chồng. Hiện chị Ph một mình nuôi dưỡng 02 con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Chớ Thị Ph được ly hôn anh Giàng A V; giao 02 con chung là cháu Giàng A H, sinh ngày 17/11/2013 và Giàng Chur S, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị Ph được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Chớ Thị Ph, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị Ph khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Giàng A V có nơi cư trú tại bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, do anh V đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, Tòa án nhân dân huyện N đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu lấy lời khai của anh V theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V gồm: Các thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Ph là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất các các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ph và anh V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Ph và anh V là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh V vi phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, bị Tòa án tuyên án tử hình, hôn nhân không còn

hạnh phúc, theo biên bản xác minh ngày 18/6/2024 tại chính quyền địa phương. Anh V mặc dù còn tình cảm với chị Ph nhưng không thể quan tâm, chăm sóc chị Ph do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ph xin ly hôn với anh V là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị Ph, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh V.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị Ph và anh V có 02 con chung chưa thành niên là cháu Giàng A H, sinh ngày 17/11/2013 và Giàng Chư S, sinh ngày 18/6/2015, kể từ khi anh V bị bắt tạm giam vào tháng 8/2022, chị Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, cháu H và cháu S đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị Ph có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Mặt khác, anh V hiện đang bị tạm giam không đủ điều kiện để nuôi con và anh V cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của chị Ph. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Ph có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ph được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Chớ Thị Ph được ly hôn với bị đơn anh Giàng A V.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Giàng A H, sinh ngày 17/11/2013 và Giàng Chư S, sinh ngày 18/6/2015 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Chớ Thị Ph được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng KTNV& THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

